

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 27.12.2022**

---

**CHIẾN THẮNG BẰNG AN NHÃN**  
**Kinh Xấu Xí (Dubbāṇṇiyasuttam)**

CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ BA (S. i, 237)

*Lấy hung hãn đấu hung hãn là thường tình. Lấy an nhĩn thắng hung bạo là đặc hạnh của bậc trí. Ăn miếng trả miếng nuôi dưỡng hận thù. Không may đó là nguyên nhân lôi cuốn con người vào hận thù oan kết. Không phải dễ dàng để hoá giải tương tranh bằng sự khiêm cung nhĩn nại. Một bài học quan trọng khác: gặp chuyện bất bình mà tự đề cao bản thân chỉ thêm dầu vào lửa.*



**Kinh Văn**

**Sāvattiyam jetavane. Tatra kho...pe... etadavoca – “bhūtapubbam, bhikkhave, aññataro yakkho dubbāṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno ahoṣi. Tatra sudam, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – ‘acchariyam vata bho, abbhutam vata, bho! Ayam yakkho dubbāṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno’”ti! Yathā yathā kho, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti, tathā tathā so yakkho abhirūpataro ceva hoti dassanīyataro ca pāsādikataro ca.**

Tại Jetavana (Kỳ Viên), Sāvattī (Xá Vệ).

Ở đây Đức Thế Tôn nói:

-- Nay các Tỷ khuru, thưở trước có một dạ xoa thân tướng xấu xí ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka. Thấy vậy chư thiên cõi Tam Thập Tam bất bình, lớn tiếng, than phiền: Thật là chuyện khó tin! thật là chuyện hiếm thấy! Một dạ xoa xấu xí ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Đế Thích. Nhưng điều xảy ra là chư thiên càng bất bình, lớn tiếng, than phiền thì da xoa ấy càng đẹp hơn, khả ái hơn, uy nghiêm hơn.

**“Atha kho, bhikkhave, devā tāvatimsā yena sakko devānamindo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamitvā sakkaṃ devānamindaṃ etadavocum – ‘idha te, mārisa, aññataro yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno. Tatra sudam, mārisa, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – acchariyaṃ vata, bho, abbhutaṃ vata, bho! Ayaṃ yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinnoti. Yathā yathā kho, mārisa, devā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti, tathā tathā so yakkho abhirūpataro ceva hoti dassaṇiyataro ca pāsādikataro cāti. So hi nūna, mārisa, kodhabhakkho yakkho bhavissatī”’ti.**

-- Nay các Tỷ khuru, rồi chư thiên Tam Thập Tam Thiên đi gặp Thiên chủ Đế Thích nói rằng:

Thưa Thiên Chủ, hiện có một dạ xoa thân tướng xấu xí ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka. Thấy vậy chư thiên cõi Tam Thập Tam bất bình, lớn tiếng, than phiền: Thật là chuyện khó tin! thật là chuyện hiếm thấy! Một dạ xoa xấu xí ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Đế Thích. Nhưng điều xảy ra là chư thiên càng bất bình, lớn tiếng, than phiền thì dạ xoa ấy càng đẹp hơn, khả ái hơn, uy nghiêm hơn. Phải chăng dạ xoa ấy được nuôi dưỡng bằng phần nộ?

**“Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo yena so kodhabhakkho yakkho tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā dakkhiṇajāṇumaṅgalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena so kodhabhakkho yakkho tenañjalim paṇāmetvā tikkhattum nāmaṃ sāveti – ‘sakkohaṃ mārisa, devānamindo, sakkohaṃ, mārisa, devānamindo’ti. Yathā yathā kho, bhikkhave, sakko devānamindo nāmaṃ sāvesi, tathā tathā so yakkho dubbaṇṇataro ceva ahosi okoṭimakataro ca. Dubbaṇṇataro ceva hutvā okoṭimakataro ca tatthevantaradhāyī”’ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo sake āsane nisīditvā deve tāvatimse anunayamāno tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –**

Này các Tỷ khuru, Thiên chủ Sakka đi đến Dạ xoa nuôi dưỡng bằng phần nộ ấy; sau khi đến đập thưng y vào một bên vai, đầu gối chân phải quỳ trên đất, chấp tay vái chào dạ xoa và tự giới thiệu ba lần: "Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka! Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka!". Mỗi lời xưng tên của Thiên chủ Đế Thích càng khiến dạ xoa kia xấu đi và cuối cùng biến mất.

Này chư Tỷ khuru, rồi Thiên chủ Đế Thích ngồi trên chỗ ngồi của mình, sau khi giáo hoá chư thiên đã nói lên kệ ngôn:

**“Na sūpahatacittomhi, nāvattena suvānayo;  
Na vo cirāhaṃ kujjhāmi, kodho mayi nāvatiṭṭhati.**

**“Kuddhāhaṃ na pharusam brūmi, na ca dhammāni kittaye;  
Sanniggaṇhāmi attānaṃ, sampassam atthamattano”ti.**

“Ta không bị chọc tức  
Cuốn xoáy vào phần nộ  
Không bao giờ giận dai  
Hay nuôi thù kết oán.

“Khi giận không nói ác  
Cũng không đề cao mình  
Giữ mình bằng tự chế  
Vì lợi ích bản thân.



### **Thích văn**

**“Na sūpahatacittomhi** = tâm ta không dễ bị chi phối  
**nāvattena suvānayo** = hay bị lôi cuốn vào vòng xoáy phần nộ  
**Na vo cirāhaṃ kujjhāmi** = không đề bực tức kéo dài  
**kodho mayi nāvatiṭṭhati** = hay phần nộ in sâu vào tâm khảm

**“Kuddhāhaṃ na pharusam brūmi** = khi giận ta không nói lời hung dữ  
**na ca dhammāni kittaye** = không tự khen đức hạnh của chính mình  
**Sanniggaṇhāmi attānaṃ** = ta luôn giữ mình bằng sự tự chế  
**sampassam atthamattano”ti** = vì sự tốt đẹp cho bản thân



### **Thích nghĩa**

*Một lần nữa chữ yakkha - dạ xoa - ở đây chỉ cho loài hoá sanh có nhiều uy lực chứ không nên hiểu theo nghĩa hung thần, quỷ dữ theo thông thường.*

*Theo Sớ giải thì dạ xoa trong bài kinh này là một phạm thiên ở cõi sắc giới nghe tiếp Thiên chủ Sakka là người có đức hạnh nhân nại cao độ nên đến thử lòng. Vị phạm thiên biến thành dạ xoa lùn thấp, bụng phệ, màu da xấu xí.*

*Sớ giải kinh Pháp cú ghi rằng chỗ ngồi của Thiên chủ Đế Thích là gai hoàng thạch (paṇḍukambalasila) (Dhp-a 1273,9-12).*

*Theo Sớ Giải thì Thiên chủ Đế Thích từng được nghe là: Với đối thủ không thể dùng biện pháp mạnh thì nên kiên định trong sự nhẫn nhục. Và thiên chủ đã áp dụng chiến thuật này một cách hiệu quả.*

*Cụm từ sūpahatacittomhi theo Sớ giải gồm su + upahatacitto + 'mhi mang ý nghĩa là không dễ bị chi phối, hay bị tổn giảm (nipātamattam)*

*Mệnh đề nāvattena suvānayo (n'āvaṭṭe na suvānayo) theo Sớ giải hàm ý: ta không dễ bị lôi cuốn vào vòng xoáy của phần nô hay bị sự bất bình sai sử (Nāvattena suvānayoti na kodhāvattena suānayo, kodhavase vattetum na sukaromhīti vadati). Đây cũng là một trong bảy điều phát nguyện hành trì khi Đế Thích còn thân nhân loại.*

*Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch*

## **2. Dubbaṇṇiyasuttam [Mūla]**

**268.** Sāvatthiyaṃ jetavane. Tatra kho...pe... etadavoca – “bhūtapubbaṃ, bhikkhave, aññataro yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno ahosi. Tatra sudam, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – ‘acchariyaṃ vata bho, abbhutaṃ vata, bho! Ayaṃ yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno’”ti! Yathā yathā kho, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti, tathā tathā so yakkho abhirūpataro ceva hoti dassaṇīyataro ca pāsādikataro ca.

“Atha kho, bhikkhave, devā tāvatimsā yena sakko devānamindo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamitvā sakkam devānamindam etadavocum – ‘idha te, mārisa, aññataro yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinno. Tatra sudam, mārisa, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – acchariyaṃ vata, bho, abbhutaṃ vata, bho! Ayaṃ yakkho dubbaṇṇo okoṭimako sakkassa devānamindassa āsane nisinnoti. Yathā yathā kho, mārisa, devā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti, tathā tathā so yakkho abhirūpataro ceva hoti dassaṇīyataro ca pāsādikataro cāti. So hi nūna, mārisa, kodhabhakkho yakkho bhavissatī’”ti.

“Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo yena so kodhabhakkho yakkho tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā dakkhiṇajāṇumaṅgalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena so kodhabhakkho yakkho tenañjaliṃ paṇāmetvā tikkhattuṃ nāmaṃ sāveti – ‘sakkohaṃ mārisa, devānamindo, sakkohaṃ, mārisa, devānamindo’ti. Yathā yathā kho, bhikkhave, sakko devānamindo nāmaṃ sāvesi, tathā tathā so yakkho dubbaṇṇataro ceva ahosi okoṭimakataro ca. Dubbaṇṇataro ceva hutvā okoṭimakataro ca tatthevantaradhāyī’ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo sake āsane nisīditvā deve tāvatimse anunayamāno tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –

“Na sūpahatacittomhi, nāvattena suvānayo;  
Na vo cirāhaṃ kujjhāmi, kodho mayi nāvatiṭṭhati.

“Kuddhāhaṃ na pharusāṃ brūmi, na ca dhammāni kittaye;  
Sanniggaṇhāmi attānaṃ, sampassaṃ atthamattano’”ti.

## 2. Dubbaṇṇiyasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

**268.** Dutiye **dubbaṇṇoti** jhāmakhāṇuvaṇṇo. **Okoṭimakoti** lakuṇḍako mahodaro. **Āsaneti** paṇḍukambalasilāyaṃ. **Kodhabhakkhoti** sakkena gahitanāmamevetāṃ. So pana eko rūpāvacarabrahmā, “sakko kira khantibalena samannāgato’”ti sutvā vīmaṃsanatthaṃ āgato. Avaruddhakayakkhā pana evarūpaṃ saṃvihitārakkhaṃ ṭhānaṃ pavisitūṃ na sakkonti. **Upasaṅkamīti** devānaṃ sutvā “na sakkā esa pharusena cāletuṃ, nīcavuttinā pana khantiyaṃ ṭhitena sakkā palāpetu’”nti tathā palāpetukāmo upasaṅkami. **Antaradhāyīti** khantiyaṃ ṭhatvā balavacittikāraṃ paccupaṭṭhapetvā nīcavuttiyā dassiyamānāya sakkāsane ṭhātuṃ asakkonto antaradhāyī. **Na sūpahatacittomhīti** ettha sūti nipātamattaṃ, upahatacittomhīti āha. **Nāvattena suvānayoti** na kodhāvattena suvānayo, kodhavase vattetuṃ na sukaromhīti vadati. **Na vo cirāhanti** voti nipātamattaṃ, ahaṃ cirāṃ na kujjhāmīti vadati. Dutiyaṃ.